**Quy định về giao dịch tại các sở GDCK**

## I. Quy định giao dịch của HSX

## 1. Thời gian giao dịch:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức giao dịch** | **Giờ giao dịch** |
| Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF | |
| Khớp lệnh định kỳ mở cửa và thỏa thuận | 9h00’ đến 9h15’ |
| Khớp lệnh liên tục I và thỏa thuận | 9h15’ đến 11h30’ |
| Nghỉ giữa phiên | 11h30’ đến 13h00’ |
| Khớp lệnh liên tục II và thỏa thuận | 13h00’ đến 14h30’ |
| Khớp lệnh định kỳ đóng cửa và thỏa thuận | 14h30’ đến 14h45’ |
| Giao dịch thỏa thuận | 14h45’ đến 15h00’ |
| Trái phiếu | |
| Giao dịch thỏa thuận | 9h00’ đến 11h30’ |
| Nghỉ giữa phiên | 11h30’ đến 13h00’ |
| Giao dịch thỏa thuận | 13h00’ đến 15h00’ |

Lệnh có giá trị trong suốt thời gian giao dịch, không hết hạn trong thời gian nghỉ giữa phiên.

## 2. Phương thức khớp lệnh:

**a.  Khớp lệnh định kỳ**: Là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định. Nguyên tắc xác định giá thực hiện như sau

* Là mức giá thực hiện đạt khối lượng giao dịch lớn nhất.
* Nếu có nhiều mức giá thỏa mãn điều kiện ở trên thì mức giá trùng hoặc gần nhất với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất sẽ được chọn

**b. Khớp lệnh liên tục**: Là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch.

**c. Khớp lệnh thỏa thuận**

## 3. Nguyên tắc khớp lệnh:

* Ưu tiên về giá:
  + Lệnh mua với mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
  + Lệnh bán với mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.
* Ưu tiên về thời gian:
  + Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước được ưu tiên thực hiện trước.

## 4. Đơn vị giao dịch và đơn vị yết giá:

**a. Đơn vị giao dịch:**

* Giao dịch khớp lệnh lô chẵn: 10 cố phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF. Khối lượng tối đa của một lệnh đặt là 500.000 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF.
* Khối lượng giao dịch thỏa thuận: từ 20.000 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trở lên.
* Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch thỏa thuận.
* Giao dịch cổ phiếu có khối lượng từ 01 đến 09 cổ phiếu (lô lẻ) được thực hiện trực tiếp giữa người đầu tư với công ty chứng khoán, giá thực hiện được xác định bằng 90% giá tham chiếu của ngày ký kết Hợp đồng.

**b. Đơn vị yết giá:**

* Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mức Giá** | **Đơn Vị Yết Giá** |
| < 10,000 đồng | 10 đồng |
| 10,000 – 49,950 | 50 đồng |
| >= 50,000 | 100 đồng |

* Chứng chỉ quỹ ETF: áp dụng  đơn vị yết giá 10 đồng cho tất cả các mức giá
* Không qui định đơn vị yết giá đối với giao dịch thỏa thuận và giao dịch  trái phiếu.

## 5. Biên độ dao động giá:

* Biên độ dao động giá quy định trong ngày đối với giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF là ± 7%
* Không áp dụng biên độ giao động giá đối với giao dịch trái phiếu.
* Giá:
  + Giá trần = Giá tham chiếu x (100% + Biên độ dao động)
  + Giá sàn = Giá tham chiếu x (100% - Biên độ dao động)

Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF có mức giá trần-sàn sau khi điều chỉnh biên độ dao động ± 7% nhưng giá trần/ sàn vẫn bằng mức giá tham chiếu sẽ điều chỉnh như sau:

* Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá
* Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá

Trường hợp giá trần và sàn của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF sau khi điều chỉnh theo cách trên bằng không (0), giá trần và sàn sẽ được điều chỉnh như sau:

* Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá
* Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu

Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết, trong ngày giao dịch đầu tiên, giá giao dịch được biến động trong +/-20% giá giao dịch dự kiến. Tổ chức niêm yết và công ty chứng khoán làm tư vấn niêm yết (nếu có) phải đưa ra mức giá giao dịch dự kiến để tính giá tham chiếu cho cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch đầu tiên. Nếu trong 03 ngày giao dịch đầu tiên, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết vẫn chưa có giá đóng cửa, tổ chức niêm yết phải được xác định giá giao dịch dự kiến.

Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại sau khi tạm dừng giao dịch trên 25 ngày, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20% so với giá tham chiếu trong ngày đầu tiên được giao dịch trở lại.

Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sau khi được giao dịch trở lại sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá 7% được áp dung cho ngày giao dịch kế tiếp.

Nếu trong 03 ngày đầu tiên sau khi giao dịch trở lại, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại vẫn chưa có giá đóng cửa, HSX sẽ xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF sau khi có sự chấp thuận của SSC.

## 6. Lệnh giao dịch:

**a. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (Viết tắt ATO):**

* Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá mở cửa.
* Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.
* Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa sẽ không xác định được giá khớp lệnh nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh
* Lệnh ATO được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa và sẽ tự động tự hủy bỏ sau thời điểm xác định giá mở cửa nếu lệnh không được thực hiện hoặc không được thực hiện hết.

**b. Lệnh giới hạn (LO)**

* Là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc  tốt hơn. Lệnh có hiệu lực kể từ khi được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến hết ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

**c. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (Viết tắt là ATC):**

Tương tự như lệnh ATO nhưng được áp dụng trong thời gian khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa.  
Ví dụ về lệnh ATO (ATC)  
Sổ lệnh (Trong thời gian khớp lệnh định kỳ)  
Cổ phiếu AAA, giá tham chiếu : 99. Lệnh vào hệ thống theo thứ tự A, B, C.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| KL Đặt Mua | Giá Đặt Mua | Giá Đặt Bán | KL Đặt Bán |
| 5,000 ( C ) | 100 | ATO (ATC) | 4,000 ( B ) |
|  |  | 99 | 2,000 ( A ) |

**Kết quả khớp**

* Giá khớp : 99
* Khối lượng khớp: 5,000. Trong đó: C-B : 4,000.
* Lệnh ATO (ATC) được ưu tiên trước so với lệnh giới hạn trong so khớp lệnh.

**d. Lệnh thị trường (Viết tắt là MP)**

* Là lệnh mua/bán chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất/ giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.
* Khi được nhập vào hệ thống giao dịch, lệnh mua MP sẽ được thực hiện ngay tại mức giá bán thấp nhất và lệnh bán MP sẽ thực hiện ngay tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh MP vẫn chưa được thực hiện hết, lệnh MP sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường và tiếp tục so khớp.
* Nếu khối lượng đặt của lệnh MP vẫn còn sau khi giao dịch theo nguyên tắc trên và không thể tiếp tục khớp được nữa thì lệnh MP sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá giao dịch cuối cùng trước đó hoặc lệnh giới hạn bán tại mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá giao dịch cuối cùng trước đó.
* Trường hợp giá thực hiện cuối cùng là giá trần đối với lệnh mua MP hoặc giá sàn đối với lệnh bán MP thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại giá trần hoặc lệnh giới hạn bán tại giá sàn.
* Lệnh MP có hiệu lực trong phiên khớp lệnh liên tục
* Lệnh MP sẽ tự động hủy nếu không có lệnh giới hạn đối ứng tại thời điểm nhập lệnh vào hệ thống giao dịch.
* Lệnh mua MP của nhà đầu tư nước ngoài sau khi khớp một phần, phần còn lại sẽ tự động hủy nếu chứng khoán hết room.

## 7. Hủy lệnh giao dịch:

**a. Trong thời gian khớp lệnh định kỳ:**

Khách hàng không được hủy lệnh giao dịch đã đặt trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa ( bao gồm cả các lệnh được chuyển từ đợt khớp lệnh liên tục sang)

**b. Trong thời gian khớp lệnh liên tục:**

Khách hàng có thể yêu cầu nhân viên môi giới hủy lệnh nếu lệnh hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện, kể cả các lệnh hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện ở lần khớp lệnh định kỳ hoặc liên tục trước đó.

## 8. Thời gian thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại giao dịch** | **Thời gian thanh toán** |
| **Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF** | |
| Khớp lệnh | T + 2 |
| Thỏa thuận | T + 2 |
| Trái phiếu | T + 1 |

## 9. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài:

**a. Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:**

* Khối lượng mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện; khối lượng bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng được phép mua ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch.
* Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện sẽ tự động bị hủy nếu khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng được phép mua đã hết hoặc không được thực hiện ngay khi nhập vào hệ thống giao dịch.

**b. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:**

* Khối lượng chứng khoán được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau.

## II. Quy định giao dịch của HNX

## 1. Thời gian giao dịch:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức giao dịch** | **Giờ giao dịch** |
| Khớp lệnh liên tục I và thỏa thuận | 9h00’ đến 11h30’ |
| Nghỉ giữa phiên | 11h30’ đến 13h00’ |
| Khớp lệnh liên tục II và thỏa thuận | 13h00’ đến 14h30’ |
| Khớp lệnh định kỳ đóng cửa và thỏa thuận | 14h30’ đến 14h45’ |
| Khớp lệnh thỏa thuận | 14h45’ đến 15h00’ |

## 2. Phương thức khớp lệnh

* Khớp lệnh định kỳ
* Khớp lệnh liên tục
* Khớp lệnh thỏa thuận

## 3. Nguyên tắc khớp lệnh

* Ưu tiên về giá
* Ưu tiên về thời gian

## 4. Đơn vị giao dịch

* Đối với lô chẵn: 100 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ ETF/ trái phiếu
* Khối lượng giao dịch thỏa thuận: từ 5,000 cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ ETF hoặc 1,000 trái phiếu trở lên. Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch thoả thuận.
* Đơn vị giao dịch lô lẻ có khối lượng từ 01 đến 99 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện theo cả hai phương thức khớp lệnh liên tục và thỏa thuận.
* Giao dịch thỏa thuận và giao dịch lô lẻ không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết hoặc ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.

## 5. Đơn vị yết giá giao dịch:

* Giao dịch khớp lệnh cổ phiếu: 100 đồng
* Giao dịch thỏa thuận cổ phiếu: 1 đồng
* Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF: 1 đồng
* Đối với giao dịch thỏa thuận và giao dịch trái phiếu: không quy định

## 6. Biên độ dao động giá:

* Đối với cổ phiếu: ± 10% so với giá tham chiếu
* Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF giao dịch ngày đầu tiên hoặc ngày đầu tiên giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngưng giao dịch trên 25 ngày là  ± 30% so với giá tham chiếu
* Đối với trường hợp trả cổ tức/ thưởng  bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong ngày giao dịch không hưởng quyền là  ± 30% so với giá tham chiếu
* Đối với trái phiếu: không quy định

## 7. Giá tham chiếu:

Giá tham chiếu được xác định bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền kề trước đó.

## 8. Lệnh giao dịch:

* Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ
* Lệnh thị trường chỉ được nhập vào hệ thống giao dịch trong phiên khớp lệnh liên tục
  + **Lệnh thị trường giới hạn (viết tắt là MTL)** có đặc điểm như lệnh MP tại sàn HSX
  + **Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (viết tắt là MOK)** là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch sau khi nhập
  + **Lệnh thị trường khớp và hủy (viết tắt là MAK)** là lệnh thị trường có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.
* Lệnh ATC có hiệu lực trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa

## 9. Sửa/Hủy lệnh:

* Việc sửa giá/khối lượng, hủy lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
* Trong phiên khớp lệnh liên tục: lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:
  + Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng;
  + Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/ hoặc sửa giá.
* Trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC): không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATC (bao gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang)

## III. UPCOM:

## 1. Thời gian Giao dịch:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức giao dịch** | **Giờ giao dịch** |
| Khớp lệnh liên tục I và thỏa thuận | 9h00’ đến 11h30’ |
| Nghỉ giữa phiên | 11h30’ đến 13h00’ |
| Khớp lệnh liên tục II và thỏa thuận | 13h00’ đến 15h00’ |

## 2. Phương thức giao dịch:

* Phương thức khớp lệnh liên tục
* Phương thức thỏa thuận

## 3. Nguyên tắc khớp lệnh

* Ưu tiên về giá
* Ưu tiên về thời gian

## 4. Đơn vị giao dịch

* Đối với lô chẵn: 100 cổ phiếu/trái phiếu
* Đơn vị giao dịch lô lẻ có khối lượng từ 01 đến 99 cổ phiếu được thực hiện theo cả hai phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.
* Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch thoả thuận.
* Giao dịch thỏa thuận và giao dịch lô lẻ không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết hoặc ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá tham chiếu được xác lập từ kết quả của phương thức khớp lệnh liên tục.

## 5. Đơn vị yết giá

* Đơn vị yết giá đối với cổ phiếu: 100 đồng
* Không quy định đơn vị yết giá đối với trái phiếu và giao dịch thỏa thuận

## 6. Biên độ dao động

* Đối với cổ phiếu: ± 15%
* Đối với cổ phiếu mới đăng ký giao dịch trong ngày giao dịch đầu tiên và cổ phiếu không có giao dịch trên 25 phiên giao dịch liên tiếp, trong ngày đầu tiên giao dịch trở lại, biên độ dao động giá được áp dụng là ± 40% so với giá tham chiếu.
* Đối với trái phiếu: không quy định

## 7. Giá tham chiếu:

Giá tham chiếu là bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

## 8. Lệnh giao dịch:

Lệnh giao dịch là lệnh giới hạn (LO). Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi được nhập vào hệ thống đăng ký giao dịch cho đến khi bị huỷ bỏ hoặc đến khi kết thúc thời gian giao dịch.

## 9. Sửa, hủy lệnh trong phiên giao dịch

* Việc sửa giá/ khối lượng và huỷ lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh gốc chưa được thực hiện.
  + Trường hợp sửa khối lượng tăng: Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch.
  + Trường hợp sửa khối lượng giảm: Thứ tự ưu tiên của lệnh không thay đổi.